

Nghi Sơn, ngày 28 tháng 3 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua Vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn năm 2024” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn.
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ tên: Lê Thế Phiệt
 - Chức vụ: Dược sĩ
 - Số điện thoại: 02373.970.467
 - Email: khoaduoc.bvkvgt@gmail.com
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn – Tổ dân phố Xuân Hòa – Phường Hải Hòa – Thị xã Nghi Sơn – Tỉnh Thanh Hóa.
 - Nhận qua email: khoaduoc.bvkvgt@gmail.com.
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 16h30 ngày 28 tháng 3 năm 2024 đến trước 17h ngày 11 tháng 4 năm 2024.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Phim khô y tế SD-Q 10x12 inch (25x30cm)	Phim khô Laser cỡ 10x12 inch (Sử dụng được với hệ thống in phim khô laser Konica)	30 000	Lá
2	Phim khô y tế SD-Q 14x17 inch (35x43cm)	Phim khô Laser cỡ 14 x 17 inch (Sử dụng được với hệ thống in phim khô laser Konica)	5 000	Lá

3	Phim lazer X Quang 8 x10 inch	Phim X-quang laser (DI-HL) kích thước 20*25 cm được thiết kế đặc biệt chuyên dùng máy in phim Fujifilm laser Drypix. Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3. Thành phần lớp bảo vệ phía trên: 86% gelatin; lớp nền phim 100% polyethylene terephthalate, độ dày của lớp nền phim: 170µm; lớp nhạy quang: 59% latex polymer và 36% phụ gia nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới: 88% gelatin. Nhiệt độ bảo quản phim mới: 10°C - 25°C, độ ẩm 30-60%RH.	5 000	Lá
4	Phim lazer X Quang 10 x12 inch	Phim X-quang laser (DI-HL) kích thước 25*30 cm được thiết kế đặc biệt chuyên dùng máy in phim Fujifilm laser Drypix. Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3. Thành phần lớp bảo vệ phía trên: 86% gelatin; lớp nền phim 100% polyethylene terephthalate, độ dày của lớp nền phim: 170µm; lớp nhạy quang: 59% latex polymer và 36% phụ gia nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới: 88% gelatin. Nhiệt độ bảo quản phim mới: 10°C - 25°C, độ ẩm 30-60%RH.	10 000	Lá
5	Băng keo lụa y tế 2,5cm x 9,1m	Băng dính vải đa dụng: - Nền vải lụa acetate taffeta mịn, mềm, không đàn hồi với độ bền kéo mạnh. - Keo Acrylate 30-50% (không chứa mủ cao su), độ dính tốt, ít gây dị ứng và không sót keo khi tháo băng ra. - Xé theo 2 chiều - Kích thước: 2.5cm x 9.1m - Lõi giấy - Chống thấm nước.	1 920	Cuộn
6	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 1 dài 90 cm, kim tròn 40 mm, 1/2C. Làm từ nguyên liệu: Polyglycolide (90%) - co-lactide (10%). Chỉ được bao phủ bởi lớp calcium stearate và polyglactin 370. Kim OriPass độ bền kéo 2700mPA, độ cứng bề mặt hơn 600VPN. Kim được khắc bằng hóa chất để đảm bảo hiệu suất kim ổn định. Thân kim ép phẳng. Thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; CE Design Examination; WHO-GMP	1 230	Lá

7	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) được bao phủ bởi Poly (30% glycolide acid và 70% lactide acid) và calcium stearate, số 3-0, dài 75CM. Kim OriPass độ bền kéo 2700mPA, độ cứng bề mặt hơn 600VPN. Kim được khắc bằng hóa chất để đảm bảo hiệu suất kim ổn định. Thân kim ép phẳng. Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56 – 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; CE Design Examination; WHO-GMP	1 230	Lá
8	Chỉ không tan tổng hợp Carelon (Nylon) số 2/0	Chỉ không tan tổng hợp Carelon (Nylon) số 2/0, dài 75 cm, sợi chỉ phủ silicon, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm, M30E24 Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Sợi chỉ có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt	1 230	Lá
9	Chỉ không tan tổng hợp Carelon (Nylon) số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp Carelon (Nylon) số 5/0, dài 75 cm, sợi chỉ phủ silicon, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm, M10E16 Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Sợi chỉ có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt	1 230	Lá
10	Kim luân tĩnh mạch an toàn số 18G, 20G, 22G, 24G	Kim được thiết kế với cơ chế bao chụp đầu kim 2 cm bằng kim loại bọc nhựa giúp loại trừ nguy cơ lây nhiễm sang người khác khi bị kim đâm. - Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau. - Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. - Ống catheter có 4 vạch cân quang làm từ chất liệu PTFE nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. - Kim có cánh, có cổng bơm thuốc bổ xung, nắp đậy bật dễ dàng. - Khoang bảo máu thiết kế trong xuất giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven. - Khử trùng bằng khí EO(Ethylene Oxide). - Thời gian lưu kim tối đa 96 giờ. - 18G; Ø (1,3 x 45) mm; Flow/ Rate 85ml/ min. - 20G; Ø (1,1 x 32) mm; Flow/ Rate 55ml/ min. - 22G; Ø (0,9 x 25) mm; Flow/ Rate 33ml/ min. - 24G; Ø (0,7 x 19) mm; Flow/ Rate 18ml/ min.	2 000	Cái

11	Quả lọc thận nhân tạo	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate . - Diện tích: 1,3 m². - Thể tích mỗi: 78 ml. - Hệ số siêu lọc: 17 (mL/giờ/mmHg). - Độ dày thành sợi: 15 µm. - Vỏ quả lọc: Polypropylene - Độ thanh thải (Qb: 300ml/min): Ure: 263 ml/min; (KoA: 778) Creatinine : 229 ml/min Phosphate: 192 ml/min Vitamin B12: 116 ml/min - Tiệt trùng: Tia Gamma - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC	528	Quả
12	Bộ dây máu dùng trong lọc máu nhân tạo	- Dây được làm bằng nguyên liệu Polyvinylchloride tiêu chuẩn y tế, không Pyrogenic, không Latex. Tổng chiều dài dây: dây tĩnh mạch 2825mm, dây động mạch 3685mm. Thể tích mỗi: 138ml - Bầu máu có cổng tiêm thuốc linh hoạt. - Kích cỡ dây phần tiếp xúc bơm máu (đường kính trong x đường kính ngoài x chiều dài): 6,35 x 9,75 x 370mm - Phù hợp với hầu hết các máy chạy thận - Đạt tiêu chuẩn EC, ISO 13485:2016	528	Quả
13	Chế phẩm sát khuẩn tay nhanh dùng trong gia dụng và y tế Asirub	75%tt/tt Ethanol 8%tt/tt Isopropyl Alcohol 0.5%tt/tt Chlorhexidine Digluconate. Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100%	50	Lít
14	Dung dịch khử khuẩn trang thiết bị y tế	Thành phần: 2% Glutaraldehyde không cần hoạt hóa, pH=6 Khử khuẩn mức độ cao: 10 phút. Đạt tiêu chuẩn EN 14561, EN 14562, EN 14563, EN 17111 Tái sử dụng trong 30 ngày (tặng kèm test thử).	40	Lít
15	Khẩu trang y tế tiệt trùng	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp gồm 03 lớp vải không dệt 3S và ở giữa là các lớp lọc kháng khuẩn, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Hiệu suất lọc > 90%. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn : EN ISO 13485:2016; ISO 9001 :2015, CE. Đóng túi 1 cái/1 túi, tiệt trùng kín bằng khí EO.	30 000	Cái

16	Ống nghiệm lấy máu chân không K2 EDTA	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET, kích thước ống 13x75mm. Nắp bằng nhựa LDPE bọc cao su màu tím phù hợp cho các máy xét nghiệm tự động. Hóa chất bên trong là Dipotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm đã được hút chân không. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	10 000	Ống
17	Ống nghiệm lấy máu chân không Sodium citrate 3.2%	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET, kích thước ống 13x75mm. Nắp bằng nhựa LDPE bọc cao su phù hợp cho các máy xét nghiệm tự động. Hóa chất bên trong là Sodium Citrate được pha theo nồng độ 3.2%. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm đã được hút chân không. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	10 000	Ống
18	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim, dung tích 20ml. Thân kim: làm bằng thép không gỉ và không bị oxy hóa. Vỏ bơm tiêm: Làm bằng nhựa y tế, không có chất gây sốt, độc tố, kim loại nặng, không chứa DEHP. Đóng gói vô trùng	10 000	Cái
19	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml/cc, kim các cỡ, VIKIMCO	Bơm tiêm dung tích 1ml. Bơm được làm bằng nhựa Polypropylen, không có chất DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. Gắn kim 27G, 29G, 30G. Sản phẩm đóng gói vô trùng.	100 000	Cái
20	Bơm tiêm nhựa dưới da tiết trùng dùng một lần 5ml	Bơm tiêm dung tích 5ml. Bơm được làm bằng nhựa Polypropylen, không có chất DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. Gắn kim 23G, 25G, 27G. Sản phẩm đóng gói vô trùng.	50 000	Cái
21	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 10ml	Bơm tiêm dung tích 10ml kèm kim các cỡ 23G, 25G, 27G và các cỡ kim theo yêu cầu. Bơm được sản xuất từ nhựa y tế Polypropylen, không có chất DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. Vạch chia dung tích rõ nét. Đầu kim vát 3 cạnh, được phủ silicon. Sản phẩm đóng gói vô trùng.	50 000	Cái
22	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần	Kim có cán đồng có khuyên, thân kim làm bằng thép, dẫn điện tốt. Được đóng gói Vô trùng. Kích thước 0,3mmx13mm; 0,3mmx25mm; 0,3mmx40mm; 0,3mmx50mm; 0,3mmx60mm; 0,3mmx75mm 0,25mmx25mm; 0,25mmx50mm; 0,25mmx40mm; 0,25mmx75mm	170 000	Cái

23	Dengue NS1Ag Rapid Test	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng nguyên Dengue NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. cho phép chẩn đoán từ ngày đầu tiên khi xuất hiện triệu chứng sốt đến ngày thứ 9 khi giai đoạn lâm sàng kết thúc, hỗ trợ phát hiện sớm và điều trị kịp thời. Hoạt chất chính: Các kháng thể đơn dòng kháng Dengue NS1. Quy cách: 30 khay thử, 30 Pipet nhựa, 1 Lọ dung dịch đệm, 1 HDSD. Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: 98,75%; Độ chính xác tương quan: 99.0%. . Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HBsAg, H. Pylori Ab, TB, HIV Ab, HAV Ab, HCV, RF, CMV, Malaria Ab, HSV-1, HSV-2. Thẻ tích mẫu sử dụng 100µl. Đọc kết quả tại 15 phút. Không sử dụng kết quả sau 20 phút. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	500	Cái
24	Khóa ba chạc không dây	- Làm bằng nhựa chất lượng cao dùng trong y tế PC , không gây độc, gây sốt, không gây gập hoặc chảy nước. - Khóa luer ở đầu khóa dễ dàng kết nối với các loại kim, dây truyền, bộ vi điều chỉnh... - Không tương tác khi truyền với các loại nhũ dịch, dịch béo hay các loại thuốc. - Chịu được áp lực cao 5 bar (72psi). - Khử trùng bằng khí EO(Ethylene Oxide).	300	Cái
25	Bông y tế thấm nước	Bông hút nước y tế thành phần chính Cellulose. * Chỉ tiêu chất lượng: 1/ Các sợi khác: Không có sợi nào nhuộm màu 2/ Chất màu chiết được: Dung dịch màu trắng đến vàng nhạt 3/ Chất tan trong ether: không quá 0,5% KL 4/ Chất tan trong nước: Không quá 0,5% KL 5/ Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8% KL 6/ Tro sulfat: Không quá 0,4% KL 7/ Tốc độ thấm hút: ≤8 giây	200	Cái
26	Ống thông tiểu 2 nhánh	Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên. Đầu thon mịn của ống thông tạo điều kiện dễ dàng đưa vào niệu đạo. chất liệu không có chất DEHP gây ung thư, không dị ứng. thành ống dây chống gập gập. Hai lỗ lớn ở đầu ống được đặt chính xác giúp thoát nước hiệu quả. Van bằng nhựa hay bằng cao su. Tiết trùng bằng phóng xạ Gamma hoặc khí ETO. Size: 14 Fr - 26 Fr.	600	Cái

27	Ống thông tiểu 1 nhánh	Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên. Đầu thon mịn của ống thông tạo điều kiện dễ dàng đưa vào niệu đạo. Hai lỗ lớn ở đầu ống được đặt chính xác giúp thoát nước hiệu quả. Tiệt trùng bằng phóng xạ Gamma hoặc khí ETO. Size: 06 Fr - 24 Fr.	600	Cái
28	Muối tái sinh	Màu sắc: màu trắng sáng. Độ tinh khiết: 99,99%.Độ ẩm là: 0%.Hòa tan: 100%.Tập chất: 0,01%. Mùi vị: Không mùi.	1 000	Kg
29	Ống đặt nội khí quản	Tiệt trùng bằng ethylene oxide. Có thể sử dụng ống ≤ 29 ngày. Đầu ống nổi 15mm, vạch đánh dấu độ sâu dọc theo thân ống, đường cong sinh lý vạch cân quang chạy dọc thân ống. Đầu ống bo tròn với mắt Murphy eye Hai vạch đánh dấu phía trên bóng chèn để hỗ trợ định vị vị trí dây thanh âm. Hiệu suất bóng tại 27 PA (CmH₂O) theo tiêu chuẩn ISO 5361: với ống 3.0mm (với đường kính khí quản tối thiểu 6.0mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =264.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 520.0ml/h; với đường kính khí quản tối đa 7.0mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =612ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 954ml/h); với ống 3.5mm (với đường kính khí quản tối thiểu 7.0mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =171.7ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 917.3ml/h; với đường kính khí quản tối đa 8.0mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =248ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 532ml/h); với ống 4.0mm (với đường kính khí quản tối thiểu 7.0mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =67.6ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 611.1ml/h; với đường kính khí quản tối đa 8.0mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =248.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 532.0ml/h); với ống 4.5mm (với đường kính khí quản tối thiểu 10.0mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =550.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 971.0ml/h; với đường kính khí quản tối đa 12.0mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =801ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 1136.0ml/h); với ống 5.0mm (với đường kính khí quản tối thiểu 14mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =185.5ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 328.0ml/h; với đường kính khí quản tối đa 18mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =238.4ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 361.7ml/h); với ống 5.5mm (với đường kính khí quản tối thiểu 15mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 =218.7ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 326.5ml/h; với đường kính khí quản tối đa	1 000	Cái

		20mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 = 302.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 547.0ml/h); với ống 6.0mm (với đường kính khí quản tối thiểu 16mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 = 430.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 638.0ml/h; với đường kính khí quản tối đa 21mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 = 507.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 798.0ml/h); với ống 6.5mm (với đường kính khí quản tối thiểu 17mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 = 326.3ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 426.7ml/h; với đường kính khí quản tối đa 23mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 = 156.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 338.0ml/h); với ống 7.0mm (với đường kính khí quản tối thiểu 18mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 = 359.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 568.0ml/h; với đường kính khí quản tối đa 25mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 = 381.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 719.0ml/h); với ống 7.5mm (với đường kính khí quản tối thiểu 21mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 = 379.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 555.0ml/h; với đường kính khí quản tối đa 27mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 = 211.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 450.0ml/h); với ống 8.0mm (với đường kính khí quản tối thiểu 21mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 = 237.6ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 356.1ml/h; với đường kính khí quản tối đa 28mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 = 237.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 434.0ml/h); với ống 8.5mm (với đường kính khí quản tối thiểu 23mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 = 303.0ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 554.0ml/h; với đường kính khí quản tối đa 30mm: phạm vi tốc độ rò tại bách phân vị thứ 50 = 67.8ml/h, tại bách phân vị thứ 90 = 380.6ml/h) Các ống: 3.0mm (đường kính ngoài 4.4mm, đường kính bóng 7.8mm, chiều dài 160mm); 3.5mm (đường kính ngoài 5.0mm, đường kính bóng 9.6mm, chiều dài 180mm); 4.0mm (đường kính ngoài 5.7mm, đường kính bóng 9.6mm, chiều dài 200mm); 4.5mm (đường kính ngoài 6.3mm, đường kính bóng 13.0mm, chiều dài 220mm); 5.0mm (đường kính ngoài 6.9mm, đường kính bóng 20.9 mm, chiều dài 240mm); 5.5mm(đường kính ngoài 7.5mm, đường kính bóng 21.8 mm, chiều dài 270mm), 6.0mm (đường kính ngoài 8.2mm, đường kính bóng 23.9 mm, chiều	
--	--	---	--

		dài 280mm); 6,5(đường kính ngoài 8.9mm, đường kính bóng 24.7 mm, chiều dài 290mm), 7.0mm (đường kính ngoài 9.5mm, đường kính bóng 28.2 mm, chiều dài 300mm), 7.5mm (đường kính ngoài 10.2mm, đường kính bóng 28.7mm, chiều dài 310mm), 8.0mm (đường kính ngoài 10.8mm, đường kính bóng 32.3 mm, chiều dài 320mm), 8.5mm (đường kính ngoài 11.4mm, đường kính bóng 32.9 mm, chiều dài 330mm) .		
30	Miếng dán mi nhỏ	- Bao bì plastic đảm bảo vô khuẩn riêng từng miếng băng. - Lớp film Polyurethane trong suốt: chống thấm nước - Nền keo Acrylate, độ dính tốt và hạn chế kích ứng da, không sót keo khi tháo băng. - Kích thước: 6cm x 7cm - Tiêu chuẩn: ISO, CE	100	Miếng
31	Thuốc nhuộm bao	Thành phần có trypan blue 0.06% kết hợp với Natri chlorid và dung dịch đệm, giúp quan sát xé bao thủy tinh thể với thủy tinh thể bị đục hoặc mắt có đồng tử hẹp, đóng gói trong lọ vô khuẩn Dung tích 1 ml.	30	Lọ
32	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật	Singclean là chất gel lỏng, trong suốt, hỗn hợp natri hyaluronat và muối sinh lý. - Thành phần: Natri Hyaluronat 15mg/ml - Độ thẩm thấu: 270-350 mOsm/kg - Thể tích 1ml - Đóng gói bao gồm một kim cùn 27G được khử trùng đầu cuối bằng EO	100	Ống
33	Dao phẫu thuật mắt 15 độ	- Lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, đầu thẳng. Độ mở rộng góc 15° - Bề mặt nhám, chống chói - Đóng trong túi vô khuẩn - Kích thước vết mổ 2.2 - 2.8mm	100	Cái

34	Thủy tinh thể nhân tạo	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 1 mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic không ngấm nước (hydrophobic) 3. Màu sắc: Không màu; lọc tia cực tím (UV); 4. Chỉ số khúc xạ = 1.53 5. Hằng số A: 118.8 (US Biometry) 119.3 (Optical Biometry) 6. Đặc điểm: Thiết kế 2 còng. Còng dạng chữ C/L. Bờ vuông 360 độ. 7. Chiều dài thủy tinh thể = 13.0mm 8. Đường kính vùng quang học = 6.0mm 9. Dải công suất: từ +0,0 D đến +40,0 D. 10. Kích thước vết mổ = 2.2mm 11. Thủy tinh thể được đặt sẵn trong dụng cụ đặt kính theo tiêu chuẩn nhà sản xuất 12. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE và CFS	100	Cái
35	Dung dịch sát khuẩn dụng cụ có hoạt tính enzym	Hoạt chất enzyme Protease + chất tẩy rửa	30	Lít

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn – Tổ dân phố Xuân Hòa – Phường Hải Hòa – Thị xã Nghi Sơn – Tỉnh Thanh Hóa.

- Yêu cầu về vận chuyển: Nhà cung cấp chịu trách nhiệm vận chuyển đến địa điểm cung cấp. Chi phí vận chuyển tính vào giá chào giá. Hàng được giao phải mới 100%, đảm bảo nguyên đai, nguyên kiện.

- Yêu cầu về lắp đặt, bảo quản: Nhà cung cấp chịu trách nhiệm về việc lắp đặt và hướng dẫn bảo quản theo đúng quy định của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: không

- Thanh toán hợp đồng: Chủ đầu tư thanh toán cho cung cấp trong vòng 30-60 ngày sau khi nhận đầy đủ chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Các thông tin khác.

Các đơn vị báo giá theo mẫu báo giá đính kèm.

Nơi nhận:

- Như trên.

- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Lê Kim Đức

**TÊN ĐƠN VỊ BÁO
GIÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BG-

Địa danh, Ngày Tháng Năm

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của: Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))